

Bản án số: 63/2020/HS-ST
Ngày: 16/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hoàng Thân
- Bà Trịnh Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2020/TLST–HS ngày 14 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST–HS ngày 01 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1987, tại: Thừa Thiên Huế.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 11, ấp TS 2A, xã PT, huyện XM, tỉnh BRVT; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê N, sinh năm: 1967 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968; Bị cáo có chồng là Trương Minh K, sinh năm: 1984 (đã ly hôn), có 02 con lớn sinh năm: 2008 và nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày: 23/02/2020, có mặt tại phiên tòa

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Từ Phan Quốc C, SN: 1993

Địa chỉ: tổ 08, ấp TA, xã PT, huyện XM, tỉnh BR – VT.

* Người làm chứng: bà Phan Thị Thu T, sinh năm: 1972

Địa chỉ: tổ 02, ấp TA, xã PT, huyện XM, tỉnh BR – VT.

(Ông C và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị Mỹ L, trú tại tổ 11, ấp TS 2A, xã PT, huyện XM, tỉnh BRVT là đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 09 giờ 25 phút ngày 23/02/2020, tại ấp TA, xã PT, Đoàn biên phòng Phước Tân phát hiện và bắt quả tang bị cáo L đang cầm trên tay một đoạn ống nhựa màu vàng và trong mũ bị cáo đang đội trên đầu 01 gói ni long hàn kín, bên trong chứa chất kết tinh không màu trong suốt, nghi là ma túy đá nên đã lập biên bản thu giữ và niêm phong. Đoàn biên phòng thu giữ của bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEL ...34567 và thu giữ tại nhà bị cáo L 01 thủy tinh đã qua sử dụng; 05 ống nhựa dài 25cm.

Qua công tác điều tra, bị cáo L khai nhận, số ma túy nói trên bị cáo mua từ một người không rõ lai lịch để bán cho các con nghiện. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận đã nhiều lần bán ma túy cho đối tượng Từ Phan Quốc C, sinh năm 1993 trú tại ấp TA, xã PT, huyện XM, tỉnh BRVT.

Tuy nhiên, sau đó bị cáo không thừa nhận hành vi bán ma túy cho C như trên mà chỉ khai nhận, trong hai ngày 08/02/2020 và ngày 15/02/2020, bị cáo và C đã 02 lần góp tiền chung để mua ma túy cùng sử dụng, mỗi lần mỗi người góp 200.000đ, bị cáo là người trực tiếp đi mua ma túy và mang về phòng trọ của bị cáo để cùng với C sử dụng.

Ngày 21/02/2020, C đến rủ bị cáo mua ma túy để sử dụng nhưng bị cáo không đồng ý vì bị cáo mới sử dụng xong. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/02/2020, C mang dụng cụ đến phòng trọ của bị cáo để giúp bị cáo sửa cửa, trong lúc C đang sửa thì bị cáo ra ngoài và gọi điện thoại vào số 0616.756.412 của một người không rõ lai lịch để hỏi mua 500.000đ ma túy đá và hẹn giao dịch tại ngã tư gần phòng trọ của bị cáo. Sau khi thỏa thuận xong, bị cáo đi bộ tới điểm hẹn đưa cho người đàn ông đó 500.000đ và người này ném cho bị cáo 01 vỏ bao thuốc lá, bên trong có 02 gói ma túy. Vì sợ C nhìn thấy sẽ xin bị cáo để sử dụng nên bị cáo mới giấu vào trong nón đội trên đầu 01 gói và 01 gói còn lại cầm ở tay, trên đường đi về phòng trọ thì bị bắt quả tang.

Căn cứ vào kết luận giám định số 122/GĐMT-PC09 (Đ2) ngày 26/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định: 02 gói ni long được hàn kín và niêm phong trong phong bì màu trắng có hình dấu của Công an xã Phước Tân và chữ ký ghi họ tên: Trần Huy Hải, Nguyễn Minh Trí, Lê Thị Mỹ L, Hoàng Đại Lộc và Phan Thị Thu T, do Đoàn biên phòng gửi đến giám định là ma túy

đá, loại Methamphetamin, có khối lượng là 1,2019 gam.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã nêu. Đồng thời, khẳng định số ma túy bị thu giữ là của bị cáo, bị cáo mua từ một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 500.000đ.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) phong bì chứa ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong có ký hiệu vụ số: 122 ngày 26/02/2020;

- 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, số IMEL ...34567;

- 01 (một) nỏ thủy tinh đã qua sử dụng;

- 05 (năm) ống hút bằng nhựa dài 25cm;

* Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc trình bày ý kiến luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKS-XM ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Lê Thị Mỹ L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ L từ 16 tháng đến 20 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam.

+ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì chứa ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong có ký hiệu vụ số: 122 ngày 26/02/2020; 01 (một) nỏ thủy tinh đã qua sử dụng; 05 (năm) ống hút bằng nhựa dài 25cm và tịch thu sung quỹ Nhà nước 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, số IMEL ...34567.

- Bị cáo thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tự bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội tự cải tạo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Xuyên Mộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của người làm chứng, thể hiện: Do bị cáo nghiện ma túy từ trước, nên ngày 23/02/2020, bị cáo đã gọi điện thoại vào số 0616.756.412 của một người không rõ lai lịch để hỏi mua 02 gói ma túy đá, loại Methamphetamin, có khối lượng là 1,2019 gam với giá 500.000đ. Sau khi mua, bị cáo giấu vào trong nón bị cáo đang đội trên đầu 01 gói và bị cáo cầm trên tay 01 gói, trên đường đi về phòng trọ thì bị Đoàn biên phòng Phước Tân bắt quả tang.

Căn cứ vào Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ, về việc “*Ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất*” thì chất Methamphetamine là chất cấm, nằm trong Danh mục II, STT 67. Từ những phân tích nêu trên cho thấy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy số 69/CT-VKS-XM ngày 10/8/2020 của của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ra những tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội; gây mất trật tự trị an tại địa phương; là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm xã hội khác.

Bị cáo là người đã trưởng thành, bản thân bị cáo nghiện ma túy, hơn ai hết bị cáo phải biết tác hại của ma túy, cũng như quy định của pháp luật là nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ trái phép các chất ma túy nhưng vì phục vụ nhu cầu nghiện hút của bị cáo mà bị cáo đi vào con đường phạm tội.

Để tăng cường biện pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy tại địa phương nói chung, cũng như để giáo dục riêng đối với bị cáo. Xét thấy, cần tuyên

xử bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời nhằm giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo tàng trữ ma túy không nhằm mục đích bán để kiếm lời mà chỉ để sử dụng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì chứa ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong có ký hiệu vụ số: 122 ngày 26/02/2020; 01 (một) nỏ thủy tinh đã qua sử dụng; 05 (năm) ống hút bằng nhựa dài 25cm.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, số IMEL ...34567 là phương tiện bị báo sử dụng vào mục đích phạm tội.

[8] Các vấn đề khác: Từ Phan Quốc C là người đã góp tiền mua ma túy sử dụng chung với bị cáo vào các ngày 08/02/2020 và ngày 15/02/2020 nhưng ngày 23/02/2020 C không góp và cũng không biết bị cáo đi mua ma túy nên không xử lý hình sự đối với C. Riêng đối tượng sử dụng số điện thoại 0616.756.412 để liên lạc bán ma túy cho bị cáo, cơ quan Cảnh sát điều tra xác định chủ thuê bao là Lê Anh Phương Nam, sinh năm: 2002 có hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã Bàu Lâm, huyện XM, tỉnh BRVT nhưng Nam không còn ở địa phương, cơ quan điều tra chưa làm việc được với Nam nên tách riêng để điều tra các minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Mỹ L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Mỹ L **20 (hai mươi)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam (23/02/2020).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì chứa ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong có ký hiệu vụ số 122 ngày 26/02/2020; 01 (một) nỏ thủy tinh đã qua sử dụng; 05 (năm) ống hút bằng nhựa dài 25cm;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, số IMEL ...34567;

Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc theo quyết định chuyển vật chứng số 69/QĐ-VKS-XM ngày 10/8/2020 và biên bản giao nhận vật chứng số 51/BB ngày 20/5/2019, chờ xử lý.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thị Mỹ L phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA ND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy